

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

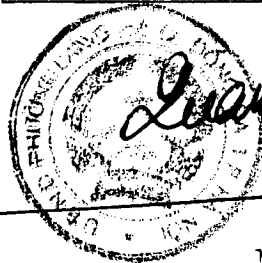
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014

và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

đã được kiểm toán CHỨNG TÍCH BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

16-09-2015

SỐ CHỨNG THỰC: 0226306 YẾNSỐ: 04 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG

MỤC LỤC

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 34
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHAI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long là Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02/12/1995, Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22/4/1998 và Quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26/6/1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 số 0106000765 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long thành công ty cổ phần.

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 04, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Ngoài ra, Tổng Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Khương Thế Duy	Ủy viên
Ông Vũ Hồng Phương	Ủy viên
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Khương Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/11/2014
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/9/2014
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/11/2014
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Phương

Số : 65./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 05 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

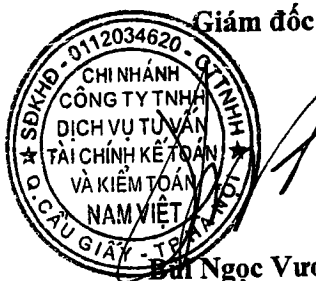
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Giám đốc**
Bùi Ngọc Vương**Kiểm toán viên****Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.337.850.959.845	-
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.073.908.305	-
1.	Tiền	111	V.01	50.073.908.305	-
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.062.796.714.110	-
1.	Phải thu khách hàng	131		1.034.331.081.093	-
2.	Trả trước cho người bán	132		26.838.331.645	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	49.016.201.372	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(47.388.900.000)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		169.609.274.132	-
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	169.609.274.132	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		55.371.063.298	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		382.955.479	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.158.927.745	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	222.856.608	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	21.606.323.466	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.312.295.150	-
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		39.492.488.009	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	34.151.311.767	-
	- Nguyên giá	222		121.187.464.666	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(87.036.152.899)	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	5.341.176.242	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		172.719.896.589	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.08	38.489.614.932	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	133.077.806.185	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	12.716.298.589	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(11.563.823.117)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		8.099.910.552	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	8.099.910.552	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.558.163.254.995	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.195.905.785.296	-
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.184.554.894.846	-
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	263.591.027.455	-
2.	Phải trả người bán	312		412.718.429.115	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		380.888.888.642	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	32.583.876.605	-
5.	Phải trả người lao động	315		21.177.878.646	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	9.632.755.285	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	63.631.187.348	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		330.851.750	-
II.	Nợ dài hạn	330		11.350.890.450	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	11.350.890.450	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		362.257.469.699	-
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	362.257.469.699	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		27.916.576.545	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.340.893.154	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.558.163.254.995	-

TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		20.367,39	-
	JPY		81.850,00	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

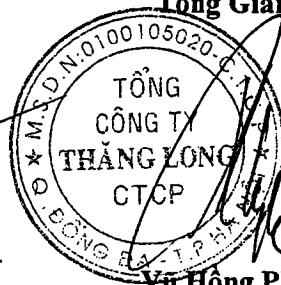
Kế toán trưởng



Lê Văn An

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.505.322.632.512
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.505.322.632.512
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.356.703.778.692
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		148.618.853.820
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	26.202.022.202
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	33.513.554.377
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.536.589.388
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		98.474.954.694
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.832.366.951
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	5.886.023.201
12.	Chi phí khác	32	VI.06	5.807.703.379
13.	Lợi nhuận khác	40		78.319.822
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.910.686.773
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	8.569.793.619
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		34.340.893.154
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	1.145

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Vũ Hồng Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.090.102.764.629
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.046.686.389.470)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(64.327.349.250)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(21.687.455.459)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(2.484.281.734)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		441.688.497.349
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(270.527.079.148)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.078.706.917
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(999.883.508)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.297.813.636
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.590.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.813.630.397
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.701.560.525

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		414.424.229.777
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(512.130.588.914)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.706.359.137)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50.073.908.305
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		50.073.908.305

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

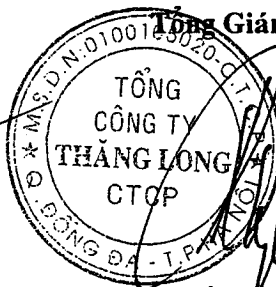
Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh



Lê Văn An



Vũ Hồng Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính từ bắt đầu ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính đầu tiên Tổng Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Tổng Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Tổng Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 03 năm khi Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	31/12/2014	28/5/2014
- Tiền mặt	2.627.246.344	-
- Tiền gửi ngân hàng	47.446.661.961	-
Cộng	50.073.908.305	-

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	28/5/2014
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.690.368.815	-
- Phải thu khác	32.325.832.557	-
+ Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân	2.259.849.387	-
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	2.895.623.923	-
+ Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh	6.247.722.957	-
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	1.056.949.196	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4 - cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng	920.721.221	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ Lam	1.088.259.566	-
+ Ban quản lý dự án 6 gói thầu cầu Thắm	6.445.180.000	-
+ Khác	11.411.526.307	-
Cộng	49.016.201.372	-

03. Hàng tồn kho

	31/12/2014	28/5/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	2.179.302.830	-
- Công cụ dụng cụ	170.731.502	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	167.259.239.800	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	169.609.274.132	-

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	28/5/2014
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	134.180.268	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	88.676.340	-
Cộng	222.856.608	-

05. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	28/5/2014
- Tạm ứng	16.413.716.865	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.192.606.601	-
Cộng	21.606.323.466	-

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	999.883.508	-	-	-	999.883.508
- Tăng do bàn giao Cổ phần hoá	41.556.513.888	73.365.984.341	13.386.634.588	3.282.132.483	-	131.591.265.300
- Phân loại lại tài sản	(550.085.165)	550.085.165	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.829.400.000)	(4.873.530.543)	(3.709.021.817)	(140.447.522)	-	(10.552.399.882)
- Giảm khác	-	(687.759.956)	-	(163.524.304)	-	(851.284.260)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>39.177.028.723</i>	<i>69.354.662.515</i>	<i>9.677.612.771</i>	<i>2.978.160.657</i>	-	<i>121.187.464.666</i>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	1.082.024.737	3.972.458.949	866.689.810	344.819.884	-	6.265.993.380
- Tăng do bàn giao Cổ phần hoá	26.046.091.432	51.654.122.947	7.641.094.834	1.795.027.815	-	87.136.337.028
- Phân loại lại tài sản	(359.370.809)	355.773.865	10.795.455	(7.198.511)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(554.190.000)	(3.864.045.947)	(1.718.589.535)	(115.284.006)	-	(6.252.109.488)
- Giảm khác	-	-	-	(114.068.021)	-	(114.068.021)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>26.214.555.360</i>	<i>52.118.309.814</i>	<i>6.799.990.564</i>	<i>1.903.297.161</i>	-	<i>87.036.152.899</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>12.962.473.363</i>	<i>17.236.352.701</i>	<i>2.877.622.207</i>	<i>1.074.863.496</i>	-	<i>34.151.311.767</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 10.364.621.678 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	28/5/2014
Bao gồm các công trình:		-
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	-
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	-
- Văn phòng Phạm Văn Đồng	3.396.323.832	-
- Các công trình khác	62.270.886	-
Cộng	5.341.176.242	-

08. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		28/5/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	3.305.800	33.058.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	435.600	5.431.614.932	-	-
Cộng		38.489.614.932		-

09. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		28/5/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết		92.943.456.831		-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	2.260.302.971	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	9.122.712.667	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	3.195.166.414	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.807.850.307	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	234.000	2.850.307.611	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	154.557	1.608.700.818	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	3.667.615.452	-	-
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.553.096.801	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	2.016.000	20.160.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	540.000	5.400.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	4.036.410.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	131.000	1.713.218.032	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	555.624	6.001.487.561	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	118.900	1.189.000.000	-	-
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	2.331.300	23.313.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	255.052	3.064.588.197	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh		40.134.349.354		-
- Công ty Liên doanh Mít suì Thăng Long		27.797.662.360		-
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		12.336.686.994		-
Cộng		133.077.806.185		-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		28/5/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư vào đơn vị khác		12.716.298.589	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	429.841	5.601.298.589	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	300.000.000	-	-
Cộng		12.716.298.589		-

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014	28/5/2014
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	(4.036.410.000)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	(712.413.117)	-
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	(6.815.000.000)	-
Cộng	(11.563.823.117)	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	28/5/2014
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	7.991.407.914	-
- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi Cổ phần hoá	108.502.638	-
Cộng	8.099.910.552	-

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	28/5/2014
Vay ngắn hạn	263.591.027.455	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	263.591.027.455	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long ^(a)	46.619.408.757	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội ^(b)	162.394.534.166	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở ^(c)	54.577.084.532	-
Cộng	263.591.027.455	-

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

(c) Khoản vay TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	28/5/2014
- Thuế GTGT bán ra trong nước	12.908.814.285	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.293.818.153	-
- Thuế thu nhập cá nhân	274.137.677	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.768.974.440	-
- Các loại thuế khác	729.034.556	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.609.097.494	-
Cộng	32.583.876.605	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014	28/5/2014
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả ODA	8.006.532.004	-
- Trích trước chi phí lãi vay	1.235.529.194	-
- Chi phí cho các công trình	390.694.087	-
Cộng	9.632.755.285	-

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	28/5/2014
- Kinh phí công đoàn	1.139.315.806	-
- Bảo hiểm xã hội	213.470.476	-
- Bảo hiểm y tế	45.605.999	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.317.196	-
- Phải trả về cổ phần hóa	5.549.816.741	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.662.661.130	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	1.004.314.900	-
+ Đội thi công cầu	6.657.270.362	-
+ Dự án cải tạo cầu Đường Sắt - Gói CP1D	1.000.000.000	-
+ Dự án Đường 188 Hải Dương	2.307.968.489	-
+ Ban điều hành gói 6 Cầu Phù Đổng	1.314.402.958	-
+ Ban điều hành gói PK1A dự án đường cao tốc HN-TN	1.148.050.539	-
+ Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh	15.517.434.000	-
+ Ban điều hành liên danh gói thầu PK2	1.465.791.250	-
+ Các đối tượng khác	26.247.428.632	-
Cộng	63.631.187.348	-

17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	28/5/2014
Vay dài hạn	11.350.890.450	-
- Vay dài hạn ngân hàng	11.350.890.450	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (*)	11.350.890.450	-
Cộng	11.350.890.450	-

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ theo bàn giao quyết toán cổ phần hóa	300.000.000.000	27.916.576.545	-	327.916.576.545
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	34.340.893.154	34.340.893.154
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	300.000.000.000	27.916.576.545	34.340.893.154	362.257.469.699

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	28/5/2014
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	195.000.000.000	-
Cộng	300.000.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	-
+ Vốn góp tăng trong kỳ	300.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	31/12/2014	28/5/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Doanh thu bán hàng hóa	13.867.968.240
- Doanh thu hoạt động xây dựng	1.491.454.664.272
Cộng	1.505.322.632.512

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	13.514.900.537
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	1.343.188.878.155
Cộng	1.356.703.778.692

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.413.146.225
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.754.124.207
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.751.770
Cộng	26.202.022.202

04. Chi phí tài chính

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Lãi tiền vay	21.536.589.388
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	375.295.069
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.846.803
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	11.563.823.117
Cộng	33.513.554.377

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCPSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	3.247.257.272
- Thu nhập khác	2.638.765.929
Cộng	5.886.023.201

06. Chi phí khác

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	2.658.035.015
- Chi phí khác	3.149.668.364
Cộng	5.807.703.379

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.569.793.619
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.569.793.619

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.910.686.773
Các khoản điều chỉnh tăng	797.044.792
Chi phí không được trừ	797.044.792
Các khoản điều chỉnh giảm	4.754.124.207
Cổ tức	4.754.124.207
Thu nhập tính thuế TNDN	38.953.607.358
Thuế suất thuế TNDN	22%
Thuế TNDN	8.569.793.619
Thuế TNDN được giảm	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.569.793.619

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	34.340.893.154
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.340.893.154
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.145

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.866.578.770
- Chi phí nhân công	48.730.334.224
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.265.993.380
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.370.561.442
- Chi phí khác bằng tiền	42.247.286.447
- Chi phí thuê phụ	1.208.294.644.199
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	47.388.900.000
Cộng	1.613.164.298.462

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt như sau:

	Năm nay
- Lương và các khoản phụ cấp	4.871.249.839
Cộng	4.871.249.839

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	Đầu tư dài hạn khác

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Từ 28/5/2014

đến 31/12/2014

Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	
Tạm ứng công trình	-
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	76.441.515.340
Cổ tức	297.522.000
Lãi vay phải thu	485.190.662
Khối lượng xây dựng hoàn thành và dịch vụ đi kèm	7.755.950.513
Bán hàng	4.082.122.316
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	94.316.859.871
Nhận nợ chi phí BDH Dự án	979.072.320
Cổ tức	261.360.000
Tạm ứng công trình	3.750.460.100
Lãi vay phải thu	1.821.918
Khối lượng xây dựng hoàn thành và dịch vụ đi kèm	7.272.738.745
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	
Tạm ứng công trình	17.815.542.276
Cho thuê cầu thép	218.181.818
Cung cấp dịch vụ khác	3.207.429.543
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	45.421.852.523
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	103.638.707.090
Cổ tức	333.374.400
Tạm ứng phục vụ thi công	10.261.969.192
Lãi vay phải thu	269.487.661
Bán hàng	5.646.867.868
Cung cấp dịch vụ khác	71.725.946
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	22.399.623.733
Lãi vay phải thu	2.861.431.322
Thuê kho bãi	264.000.000
Cung cấp dịch vụ khác	10.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	
Nhận nợ đo đạc PVTC	327.272.727
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	931.739.513
Công ty CP Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	3.044.869.786
Chi phí thí nghiệm	552.716.289
Tạm ứng công trình	1.100.812.871
Công ty CP Xây dựng số 17 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	29.804.131.492
Cổ tức	234.000.000
Lãi vay phải thu	2.517.076.233
Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	
Chi phí chế tạo ống ghen luôn cấp	5.336.547.239
Nhận nợ chi phí BDH Dự án	10.189.898
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	208.247.434.576
Thuê xe ô tô	265.454.546
Cổ tức	257.209.207
Cổ tức sửa lại do quyết toán	257.209.207
Tạm ứng công trình	47.808.487.192

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Từ 28/5/2014

đến 31/12/2014

Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	
Bán hàng hóa, vật tư	204.702.172
Cho thuê máy phát điện	175.162.435
Cung cấp dịch vụ	344.983.536
Công ty CP Xây dựng số 15 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	33.662.792.872
Cổ tức	1.488.301
Lãi vay phải thu	654.473.603
Tạm ứng công trình	23.719.282.382
Công ty CP Xây dựng số 16 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	24.172.895.468
Cổ tức	153.600.000
Tạm ứng công trình	16.134.189.309
Lãi vay phải thu	151.714.138
Công ty CP Xây dựng số 18 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	30.892.004.348
Cổ tức	360.000.000
Lãi vay phải thu	268.448.767
Công ty CP Xây dựng số 2 Thăng Long	
Cung cấp dịch vụ khác	92.024.318
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.762.582.525
Cổ tức	61.822.800
Công ty CP Xây dựng số 4 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	33.662.792.872
Tạm ứng công trình	4.524.894.000
Lãi vay phải thu	83.260.733
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	5.328.961.717
Nhận nợ	
Công ty CP Xây dựng số 8 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.901.530.480
Cung cấp dịch vụ khác	76.974.318
Lãi vay phải thu	703.725.566
Công ty CP Xây dựng số 9 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.186.540.560
Cung cấp dịch vụ khác	10.000.000
Công ty CP Xây dựng số 10 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	23.389.169.264
Lãi vay phải thu	2.424.962.006
Cung cấp dịch vụ khác	189.564.224
Công ty CP Xây dựng Vận tải Thăng Long	
Nhận nợ	312.000.000
Tạm ứng công trình	6.586.512.085
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	12.392.442.682
Bán vật tư	1.129.982.500
Công ty CP Xây dựng số 12 Thăng Long	
Cung cấp dịch vụ khác	10.000.000
Cho thuê kho bãi	264.000.000
Lãi vay phải thu	2.861.431.322

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***Từ 28/5/2014****đến 31/12/2014**

Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	27.273.022.036
Cổ tức	735.980.000
Cung cấp dịch vụ khác	631.818.182
Lãi vay phải thu	1.265.140.522
Tạm ứng công trình	6.433.820.000
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	
Lãi cho vay	1.170.877.993
Công ty TNHH Bê tông Thăng Long-Mekong	
Cho thuê dụng cụ sản xuất	430.222.590
Công ty TNHH Mitsui Thăng Long	
Cổ tức	1.800.558.292
Cung cấp cán bộ lao động	384.120.000
Công ty CP Cầu 5 Thăng Long	
Cung cấp dịch vụ khác	10.000.000
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	8.115.292.909

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	31/12/2014
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	22.551.588.383
+ Phải thu khác	869.482.455
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	23.150.181.132
+ Phải thu khác	-
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	17.939.245.756
+ Phải thu khác	-
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	4.057.696.052
+ Phải thu khác	2.038.025.670
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	10.028.968.982
+ Phải thu khác	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	36.028.872.272
+ Phải thu khác	5.691.584.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	4.594.642.976
+ Phải thu khác	1.117.682.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	35.832.430.120
+ Phải thu khác	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	32.811.316.565
+ Phải thu khác	657.773.280

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

31/12/2014

Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	40.675.746.424
+ Phải thu khác	461.753.772
Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	57.153.775.363
+ Phải thu khác	850.668.490
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	20.891.242.514
+ Phải thu khác	212.852.700
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	81.777.090.207
+ Phải thu khác	1.389.181.492
Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	-
+ Phải thu khác	56.942.899.731
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	8.252.160.973
+ Phải thu khác	1.698.230.000
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	4.280.047.077
+ Phải thu khác	772.269.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	46.637.340.401
+ Phải thu khác	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	11.021.497.952
+ Phải thu khác	619.812.465
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	14.512.020.201
+ Phải thu khác	290.847.145
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	-
+ Phải thu khách hàng	10.000.000
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	1.134.363.600
Cộng nợ phải thu	546.953.289.650
	31/12/2014
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	27.877.542.613
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	28.852.495.748
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	22.064.406.885

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	31/12/2014
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thăng Long	
+ Phải trả người bán	308.654.426
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	
+ Phải trả người bán	20.145.372.501
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	3.279.159.254
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	3.365.062.691
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	9.319.254.653
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	23.252.263.886
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	3.507.065.323
Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	
+ Phải trả người bán	86.077.184.079
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	18.373.202.797
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	26.754.050.195
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	
+ Phải trả người bán	1.408.441.970
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	34.966.555.545
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	5.670.221.667
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	8.294.651.189
Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	11.087.514.073
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	
+ Phải trả người bán	2.323.767.796
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	
+ Phải trả người bán	1.661.744.531
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	
+ Phải trả khác	15.517.434.000
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	
+ Phải trả người bán	4.620.278.134
Cộng nợ phải trả	358.726.323.956

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ...
- Lĩnh vực 2: Thương mại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Xây dựng</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.491.454.664.272	13.867.968.240	1.505.322.632.512
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
- Chi phí phân bổ	1.448.000.794.119	14.489.471.442	1.462.490.265.561
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	43.453.870.153	(621.503.202)	42.832.366.951
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.404.169.534	31.652.933	3.435.822.467
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.855.768.606	110.238.297	11.966.006.903
Số dư cuối kỳ			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.495.736.785.893	12.352.560.797	1.508.089.346.690
- Tài sản không phân bổ	-	-	50.073.908.305
Tổng tài sản	1.495.736.785.893	12.352.560.797	1.558.163.254.995
- Nợ phải trả bộ phận	1.184.560.553.739	11.014.379.807	1.195.574.933.546
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	330.851.750
Tổng nợ phải trả	1.184.560.553.739	11.014.379.807	1.195.905.785.296

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		28/5/2014		31/12/2014	28/5/2014
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.073.908.305	-	-	-	50.073.908.305	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.083.347.282.465	(47.388.900.000)	-	-	1.035.958.382.465	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.133.421.190.770	(47.388.900.000)	-	-	1.086.032.290.770	-
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	31/12/2014	28/5/2014	31/12/2014	28/5/2014		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	412.718.429.115	-	412.718.429.115	-	-	-
Vay và nợ	274.941.917.905	-	274.941.917.905	-	-	-
Chi phí phải trả	9.632.755.285	-	9.632.755.285	-	-	-
Các khoản phải trả khác	56.662.661.130	-	56.662.661.130	-	-	-
Cộng	753.955.763.435	-	753.955.763.435	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2014				
Phải trả cho người bán	412.718.429.115	-	-	412.718.429.115
Vay và nợ	263.591.027.455	11.350.890.450	-	274.941.917.905
Chi phí phải trả	9.632.755.285	-	-	9.632.755.285
Các khoản phải trả khác	56.662.661.130	-	-	56.662.661.130
Cộng	742.604.872.985	11.350.890.450	-	753.955.763.435

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính bắt đầu đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chuyển thành Công ty Cổ phần nên không có số liệu so sánh.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh



Lê Văn An



Vũ Hồng Phương

